

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Nguyễn An D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 20, hẻm 10, quốc lộ 22B, tổ 18, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 02, đường ĐX 125, tổ 41, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Nguyễn An D trình bày:

Ông D và bà T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01 ngày 31 tháng 5 năm 2013. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của mẹ bà T; vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Ông D và bà T đã không còn sống chung từ giữa năm 2021 cho đến nay; sau khi vợ chồng không còn sống chung thì ông D về nhà cha mẹ ruột của

ông D tại Tây Ninh sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông D và bà T có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2014. Từ thời điểm ông D và bà T không còn sống chung (giữa năm 2021 cho đến nay) thì cháu K sống cùng với bà T, do bà T nuôi dưỡng. Tuy nhiên quá trình bà T nuôi con, phương pháp nuôi dạy con của bà T không tốt, thường hay đánh mắng con và không quan tâm con, thường xuyên để con cho ông bà ngoại chăm sóc. Hiện nay ông D có công việc và thu nhập ổn định, mức lương trung bình khoảng 11.000.000 đồng/tháng; công việc của ông D rất thoải mái về thời gian nên ông D có thể chủ động đưa đón con đi học; do đó, khi ly hôn, ông D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và ông D không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 3 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà T thống nhất với trình bày của ông D về thời gian kết hôn, về con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Bà T và ông D đã không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2021 cho đến nay; vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình. Trước yêu cầu ly hôn của ông D, bà T đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông D có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2014. Từ thời điểm bà T và ông D không còn sống chung (giữa năm 2021 cho đến nay) thì cháu K sống cùng với bà T, do bà T nuôi dưỡng. Quá trình bà T nuôi dạy con, bà T thỉnh thoảng có la mắng con nhưng việc la con nhằm để con có thể phát triển tốt hơn, hiểu biết nhiều hơn chứ bà T không có hành vi bạo lực đối với con chung.

Hiện nay bà T vừa làm việc cho công ty, vừa bán hàng (mỹ phẩm) online; bà T có công việc và thu nhập ổn định, mức lương trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng; đồng thời cháu K là cháu gái, đang tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần sự chăm sóc của người mẹ; cháu đang sinh sống và học tập tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và bà T không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông D không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày của cháu Ngô Nguyễn Ngọc K, cháu Ngô Nguyễn Ngọc K trình bày: Cháu K có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã trầm trọng, không thể hàn gắn; vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc nhau; mục đích của hôn nhân không đạt được; ông D yêu cầu ly hôn với bà T, bà T đồng ý nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Các đương sự khai thống nhất cháu K đang sinh sống, học tập tại thành phố T, tỉnh Bình Dương, đang do bà T nuôi dưỡng; nhận thấy cháu K là cháu gái, cần sự chăm sóc của người mẹ; bà T có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định về nơi sinh sống và học tập cũng như tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu K, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà T nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà T đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01 ngày 31 tháng 5 năm 2013. Hôn nhân của ông D và bà T là hợp pháp.

Ông D và bà T đều thừa nhận ông D và bà T không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2021 cho đến nay; cả hai không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình; ông D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông D có 01 con

chung tên Ngô Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2014. Hiện nay cháu K đang học lớp 2, trường Tiểu học T thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Từ thời điểm bà T và ông D không còn sống chung (giữa năm 2021 cho đến nay) thì cháu K sống cùng với bà T, do bà T nuôi dưỡng.

Hiện nay, ông D và bà T đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi cháu K; tuy nhiên cháu K là cháu gái, cần sự chăm sóc của người mẹ; cháu K cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự ổn định về môi trường sinh sống, học tập và tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu K thì cần tiếp tục giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng. Ông D khởi kiện yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là không phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung, đây là ý chí tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Nguyễn An D đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh T về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Nguyễn An D được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyền số 01 ngày 31 tháng 5 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Ngô Nguyễn An D và bà Nguyễn Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Nguyễn An D đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh T về việc tranh chấp về nuôi con.

Giao cháu Ngô Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2014 cho bà Nguyễn Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thanh T về việc không yêu cầu ông Ngô Nguyễn An D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thanh T và ông Ngô Nguyễn An D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Ngô Nguyễn An D lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con của bà Nguyễn Thanh T thì bà Nguyễn Thanh T có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của ông Ngô Nguyễn An D theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Nguyễn An D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000799 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng